

Bản án số: 09/2025/HS-ST
Ngày: 29 - 7 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Sơn, cán bộ hưu trí

Ông Nguyễn Văn Học, cán bộ hưu trí

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Hữu Bình - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Khuất Thu Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 38/2025/TLST-HS ngày 17 tháng 6 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 7 năm 2025, đối với:

- Bị cáo: Triệu Tổng G, sinh năm 1998 tại tỉnh Hòa Bình (nay là tỉnh Phú Thọ); Nơi thường trú: Thôn C, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình (nay là thôn C, xã A, tỉnh Phú Thọ); Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Dương N và bà Phạm Thị D (đã chết); chưa có vợ; chưa có con;

+ Tiền án:

Bản án số 76/2019/HSST ngày 11/4/2019 của Tòa án nhân dân Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bản án số 244/2019/HSST ngày 10/9/2019 của Tòa án nhân dân Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội xử phạt 18 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tổng hợp hình phạt 09 tháng tù tại bản án số 76/2019/HSST ngày 11/4/2019 của Tòa án nhân dân Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 27 tháng tù; Triệu Tổng G phải nộp 5.500.000 đồng sung quỹ nhà nước. Ngày 16/02/2021, chấp hành xong án phạt tù. Tại công văn số 105/CCTHADS ngày 13/02/2025 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Thủy trả lời G chưa chấp hành khoản thu nộp ngân sách 5.500.000 đồng của bản án số 244/2019/HS-ST ngày 10/9/2019 của Tòa án nhân dân Quận Đống Đa, Thành

phố Hà Nội. Tại các bản án trên G đều không bị áp dụng tình tiết tăng nặng tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm (Chưa xóa án tích).

+ Tiền sự: không;

+ Nhân thân: Quyết định số 15/QĐ ngày 12/02/2015, Công an huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình xử phạt hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích, mức phạt tiền 500.000 đồng (đã chấp hành).

Tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/11/2024 đến nay, hiện đang giam tại Trại tạm giam số 1 Công an Thành phố Hà Nội, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Triệu Tổng G: Ông Nguyễn Danh Sơn - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hà Nội, có mặt.

- Bị hại:

+ Bà Kim Thị N, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn 4, xã N, huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội (nay là thôn 4, xã P, Thành phố Hà Nội), có mặt.

+ Ông Bùi Xuân N, sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn 4, xã N, huyện P, Thành phố Hà Nội (nay là thôn 4, xã P, Thành phố Hà Nội), có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Chị Nguyễn Thu H, sinh năm 1994; Địa chỉ: Khu phố L, Thị trấn H, huyện Y, tỉnh Hòa Bình (nay là Khu phố L, xã Y, tỉnh Phú Thọ), có mặt.

+ Chị Kim Thị T, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn 2, xã T (Thạch X), huyện T, Thành phố Hà Nội (nay là Thôn 2, xã T, Thành phố Hà Nội), vắng mặt.

+ Chị Kim Thị Thúy N, sinh năm 1995; Địa chỉ: Thôn 6, xã V, huyện P, Thành phố Hà Nội (nay là thôn 6, xã P, Thành phố Hà Nội), vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 01/9/2007; Địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện P, Thành phố Hà Nội (nay là Thôn B, xã P, Thành phố Hà Nội), vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp cho chị Nguyễn Thị Anh T là: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1984 (là bố đẻ) và bà Doãn Thị H, sinh năm 1987 (là mẹ đẻ), Địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện P, Thành phố Hà Nội (nay là Thôn B, xã P, Thành phố Hà Nội), ông T và bà H đều vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thu T, sinh năm 1997; Địa chỉ: Thôn 4, xã N, huyện P, Thành phố Hà Nội (nay là Thôn 4, xã P, Thành phố Hà Nội), vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Huyền T, sinh năm 2000; Địa chỉ: Thôn 6, xã T, huyện P, Thành phố Hà Nội (nay là thôn 6, xã H, Thành phố Hà Nội), vắng mặt.

+Chị Đào Thị H, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn 4, xã N, huyện P, Thành phố Hà Nội (nay là thôn 4, xã P, Thành phố Hà Nội), vắng mặt.

-Người làm chứng:

Anh Bùi Anh Q, sinh ngày 08/5/2009; Địa chỉ: Thôn 4, xã N, huyện P, Thành phố Hà Nội (nay là thôn 4, xã P, Thành phố Hà Nội), vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp cho anh Bùi Anh Q: Ông Bùi Xuân N, sinh năm 1980 (là bố đẻ) và bà Kim Thị N, sinh năm 1984 (là mẹ đẻ); Cùng địa chỉ: Thôn 4, xã N, huyện P, Thành phố Hà Nội (nay là thôn 4, xã P, Thành phố Hà Nội), ông N và bà N đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 5/2024, Bùi Anh Q, sinh ngày 08/5/2009, trú tại thôn 4, xã N, huyện P, Thành phố Hà Nội (nay là thôn 4, xã P, Thành phố Hà Nội) là con trai của bà Kim Thị N, sinh năm 1984, trú tại thôn 4, xã N, huyện P, Thành phố Hà Nội (nay là thôn 4, xã P, Thành phố Hà Nội) quen biết Triệu Tổng G trên mạng xã hội Tiktok. G sử dụng tài khoản Zalo của mình là "Giang Bòm" được đăng ký bằng số điện thoại 0352157317 kết bạn qua Zalo với số điện thoại 0332726968 của bà N và lưu số điện thoại của bà N trong máy điện thoại của mình là "Án Từ". Một thời gian sau, số điện thoại cũ bị mất nên G chuyển sang sử dụng số điện thoại 0327.013.194 và đăng ký tài khoản Zalo bằng số điện thoại mới này nhưng vẫn lấy tên là "Giang Bòm". Bà N sử dụng số điện thoại 0332726968 để đăng ký tài khoản Zalo tên "Kim Nhung Pp Thiết Bị Vc Điện".

Bằng thủ đoạn gian dối G giới thiệu với bà N mình tên là G, sinh năm 1994, nhà ở Khoái Châu, Hưng Yên. G tự đưa ra thông tin giả là mình bị bắt về tội Cố ý gây thương tích mà chỉ bị giữ 7 ngày là lo được trắng án. G tự giới thiệu mình có chú ruột làm lãnh đạo to ở tỉnh Hưng Yên, có thể lo được việc giảm án cho con bà N là Bùi Hoàng T (đã bị Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội tuyên phạt 39 tháng tù giam về tội Cố ý gây thương tích và Đánh bạc) giảm án từ 39 tháng tù xuống 09 tháng tù.

Trong thời gian từ ngày 31/5/2024 đến ngày 11/11/2024, G đã đưa ra nhiều lý do khác nhau yêu cầu bà N chuyển tiền để G thực hiện việc liên quan đến xin giảm án, chuyển trại giam, xin được đặc xá trước thời hạn... cho T là con trai bà N khiến bà N tin là thật. Bà N đã nhiều lần chuyển khoản tiền cho G với tổng số tiền 252.000.000 đồng đến 02 (hai) số tài khoản do G cung cấp là 108873563099 của ngân hàng Vietinbank mang tên Nguyễn Thu H, sinh năm 1994; Địa chỉ: Khu phố L, Thị trấn H, huyện Y, tỉnh Hòa Bình (nay là Khu phố L, xã Y, tỉnh Phú Thọ) và tài khoản ABBank số tài khoản 1471026856017 cũng mang tên Nguyễn Thu H. Sau mỗi lần chuyển tiền bà N đều chụp ảnh lại các giao dịch chuyển tiền và gửi qua tin nhắn Zalo cho G. Cụ thể:

- Ngày 31/5/2024, sau khi gặp bà N tại quán cà phê tại Dân Tiến, Khoái Châu, Hưng Yên, G nói với bà N là G có chú ruột làm lãnh đạo to ở tỉnh Hưng Yên, có thể lo được việc giảm án cho con bà N từ 39 tháng xuống còn 9 tháng với điều kiện bà N phải chuyển cho G số tiền 100.000.000 đồng. Bà N đồng ý và khi đang trên đường về đến huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, bà N đã chuyển khoản trước 30.000.000 đồng từ số tài khoản 1500216916455 mang tên Kim Thị N mở tại ngân hàng Agribank đến số tài khoản 108873563099 của ngân hàng

Vietinbank mang tên Nguyễn Thu H với nội dung “KIM THI NHUNG chuyen tien”.

- Ngày 04/6/2024, G bảo bà N chuyển thêm 20.000.000 đồng nữa cho đủ 50% tiền xin giảm án cho T thì bà N đồng ý, nhưng do chỉ còn 10.000.000 đồng nên bà N đã chuyển khoản 10.000.000 đồng từ số tài khoản của bà N đến số tài khoản của Nguyễn Thu H.

- Ngày 08/6/2024, bà N chuyển khoản cho G 10.000.000 đồng là đủ 50% tổng số tiền như đã thống nhất từ trước với G.

- Ngày 18/6/2024, bà N đã chuyển khoản cho G 50.000.000 đồng. Do trước đó (ngày 16/6/2024), G gọi điện cho bà N nói là chú ruột của G đã xin giảm án xong cho T rồi và yêu cầu bà N chuyển nốt số tiền 50.000.000 đồng còn lại để G chuyển cho chú G.

- Ngày 20/6/2024, bà N chuyển khoản cho G 7.000.000 đồng để G xin cho T ở lại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố Hà Nội.

- Ngày 02/7/2024, bà N chuyển khoản cho G 9.000.000 đồng do G nói là cần thêm 9.000.000 đồng nữa để xin cho T ở lại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố Hà Nội.

- Ngày 09/7/2024, G yêu cầu bà N phải tiếp tục chuyển 60.000.000 đồng nếu không chú của G sẽ trả lại tiền và không lo cho con của bà N nữa. Tối ngày 10/7/2024 và 11/7/2024, bà N đã chuyển khoản cho G 04 lần với tổng số tiền 30.000.000 đồng. Trong đó ngày 10/7/2024, bà N chuyển khoản 02 lần mỗi lần 10.000.000 đồng từ số tài khoản của bà N đến số tài khoản của chị Hà. Đồng thời bà N đã nhờ chị Kim Thị T (sinh năm 1989, trú tại: T, T, Hà Nội (nay là xã T, Hà Nội) - là em gái bà N) chuyển khoản 8.000.000 đồng từ số tài khoản 0011004175120 của chị Trang mở tại ngân hàng Vietcombank đến số tài khoản 108873563099 của Nguyễn Thu H với nội dung chuyển khoản là “KIM THI TRANG chuyen tien chay cho chau ho chi nhung”. Sáng ngày 11/7/2024, Nhung đã chuyển khoản 2.000.000 đồng theo yêu cầu của G để đủ 30.000.000 đồng. Còn 30.000.000 đồng bà N và G thỏa thuận bao giờ T về thì bà N sẽ chuyển khoản nốt.

- Ngày 28/7/2024, G gọi điện cho bà N bảo chuyển thêm cho G 10.000.000 đồng nữa, bà N đã chuyển khoản cho G.

- Ngày 30/7/2024, bà N đi cùng chị Kim Thị T đến cổng trại tạm giam số 1 thì gặp G đi một mình đến. Sau khi nói chuyện thì G có chuyển khoản 1.000.000 đồng đến số tài khoản của bà N nói là nhờ bà N mua giúp quà gửi vào cho T rồi G đi về.

- Ngày 07/8/2024, bà N đã chuyển tổng số tiền 30.000.000 đồng cho G (trong đó 1.000.000 đồng từ tài khoản của Nhung, 29.000.000 đồng từ tài khoản của chị T vào tài khoản của chị H, do G đã liên lạc với bà N bảo dịp 02/9/2024, G sẽ xin cho T được đặc xá về trước thời hạn nhưng phải đưa cho G 30.000.000 đồng).

- Ngày 01/9/2024, G gọi cho bà N bảo chuyển thêm cho G 5.000.000 đồng tiền hoàn thiện hồ sơ giấy khám sức khỏe cho T để xin đặc xá. Bà N đã nhờ chị

Kim Thị Thúy N (sinh năm 1995, trú tại: Vân Phúc, Phúc Thọ, Hà Nội (nay là xã Phúc Lộc, Hà Nội) - là em gái bà N) chuyển khoản 5.000.000 đồng từ số tài khoản 1021988710 của chị Nga mở tại ngân hàng Vietcombank đến số tài khoản 1471026856017 của Nguyễn Thu H mở tại ngân hàng ABBank với nội dung chuyển khoản là “KIM THI THUY NGA chuyen tien”.

- Ngày 05/9/2024, G gọi cho bà N bảo chuyển thêm 5.000.000 đồng để bồi dưỡng cho cán bộ đi xin giấy khám sức khỏe hoàn thiện hồ sơ cho T được về sớm. Bà N đã tự đăng nhập vào tài khoản ngân hàng số 990945697026 của ngân hàng Techcombank của chồng mình là ông Bùi Xuân N chuyển khoản 5.000.000 đồng cho G.

- Ngày 10/9/2024, bà N tự chuyển từ tài khoản của ông N đến số tài khoản của Hà số tiền 7.000.000 đồng để G bồi dưỡng cho cán bộ hoàn thiện hồ sơ cho T về sớm.

- Ngày 19/9/2024, bà N tiếp tục chuyển khoản 4.000.000 đồng từ tài khoản của ông N đến số tài khoản của Hà để G bồi dưỡng cho cán bộ về huyện và về xã xin dấu để làm hồ sơ cho T và hứa chắc chắn T sẽ được về trước thời hạn.

- Sáng ngày 20/9/2024, G gọi điện bảo bà N chuyển thêm 1.000.000 đồng với lý do để bồi dưỡng cán bộ đi lại từ thành phố về huyện, xã thì bà N đồng ý. Bà N đã nhờ Nguyễn Thị Anh T (sinh năm 2007, trú tại thôn B, N, Phúc Thọ, Hà Nội (nay là xã Phúc Lộc, Hà Nội) chuyển khoản 1.000.000 đồng từ số tài khoản 0386239561 của Thư mở tại ngân hàng MBBank đến số tài khoản của Hà với nội dung “NGUYEN THI ANH THU chuyen tien”.

- Ngày 26/9/2024, G bảo bà N chuyển khoản 10.000.000 đồng bồi dưỡng cho quản trại để đến ngày 04/10/2024 T sẽ được về và bảo bà N chuẩn bị xe đón T sẽ về vào buổi tối. Sáng 27/9/2024, G gọi cho bà N bảo do bà N chuyển tiền muộn quá nên cán bộ của trại đòi thêm 2.000.000 đồng, tổng là 12.000.000 đồng. Bà N đã đưa cho chị Nguyễn Thu T (sinh năm 1997; Địa chỉ: Thôn 4, xã N, huyện P, Thành phố Hà Nội (nay là xã P, Thành phố Hà Nội) 12 triệu đồng tiền mặt nhờ chị T chuyển khoản hộ. Do tài khoản không đủ tiền nên chị T đã nhờ chị Nguyễn Huyền T, sinh năm 2000, trú tại thôn 6, T, P, Hà Nội (nay là xã H, Hà Nội) chuyển khoản hộ 12.000.000 đồng, từ số tài khoản 6666225888 của T mở tại ngân hàng MBBank đến số tài khoản 1471026856017 của Nguyễn Thu H với nội dung chuyển khoản là “co nhung chuyen khoan”.

- Ngày 02/10/2024, G đã chủ động gọi cho bà N nói là ông nội mình mất (chết) nên bận lo cho xong công việc của ông nội thì sẽ nói chuyện với bà N sau, mục đích để kéo dài thời gian nghĩ cách tiếp tục lừa bà N. Bà N tin việc G nói ông nội G chết là thật nên đã chuyển khoản 1.000.000 đồng gửi tiền viếng, chia buồn với gia đình G từ số tài khoản của ông N đến số tài khoản của Nguyễn Thu H.

- Ngày 04/10/2024, G lại bảo bà N chuyển thêm 1.500.000 đồng để lo nốt việc thì bà N đồng ý, bà N đã nhờ chị Đào Thị H (sinh năm 1989 - là hàng xóm với bà N) chuyển khoản 1.500.000 đồng từ số tài khoản 0011004249360 của chị

H mở tại ngân hàng Vietcombank đến số tài khoản 1471026856017 của Nguyễn Thu H với nội dung chuyển khoản là “DAO THI HUYEN chuyen tien”.

- Ngày 11/10/2024, G nhắn tin qua Zalo cho bà N bảo chuyển thêm 3.000.000 đồng để G xin chuyển cho T từ trại giam Ngọc Lý về trại giam Suối Hai vì cán bộ trong trại gây khó dễ và hứa sẽ lo được việc chuyển trại giam cho T. Bà N đồng ý và chuyển khoản cho G.

- Ngày 13/10/2024, G gọi cho bà N bảo chuyển cho G 3.000.000 đồng để bồi dưỡng cho cán bộ dẫn giải T từ trại giam Ngọc Lý về trại giam Suối Hai, mỗi người 500.000 đồng thì bà N đồng ý và chuyển khoản làm 02 lần: lần đầu chuyển 2.000.000 đồng, lần sau chuyển 1.000.000 đồng.

- Ngày 17/10/2024, G gọi cho bà N bảo chuyển thêm 2.000.000 đồng để bồi dưỡng thêm cho cán bộ đưa T đến trại giam Suối Hai chấp hành án thì bà N đã chuyển khoản cho G.

- Ngày 05/11/2024, bà N tự lấy điện thoại của ông N chuyển khoản cho G 10.000.000 đồng.

- Ngày 06/11/2024, bà N chuyển khoản cho G 2.000.000 đồng để bồi dưỡng cho cán bộ làm hồ sơ cho T cải tạo tốt.

- Ngày 08/11/2024, bà N đã chuyển khoản cho G số tiền 2.500.000 đồng để G nhờ người hỏi thăm sức khỏe của T trong trại giam.

- Ngày 09/11/2024, G gọi cho bà N báo là T ở trong trại giam đánh nhau bị ngã chân sưng to, chưa xác định được nguyên nhân để mua thuốc điều trị, quản giáo giấu không cho vợ chồng bà N biết và bảo bà N là cần nhờ người đưa T đi chụp chiếu, thăm khám hết số tiền là 7.000.000 đồng nên bà N đã chuyển khoản cho G.

- Ngày 11/11/2024, bà N liên hệ với một quản giáo của trại giam Ngọc Lý mà bà N quen biết hỏi về việc chấp hành án, sức khỏe hiện tại của T thì được người này trả lời là T ở trại giam vẫn chấp hành tốt, không có việc chửi đánh nhau hay bị đau chân phải thăm khám ở viện. Bà N liền gọi điện thoại cho G nói là T ở trong trại không đánh nhau, không bị thương và yêu cầu G chuyển trả lại cho mình tất cả số tiền mà bà N đã chuyển cho G trước đó. G đã nhờ Nguyễn Thu H chuyển 2.000.000 đồng đến số tài khoản 1904003297011 của bà N (G đã trả Nguyễn Thu H số tiền 2.000.000 đồng).

Sau khi biết bị Triệu Tống G lừa, bà N đã đến Công an huyện Phúc Thọ trình báo sự việc. Tổng số tiền bà Kim Thị N đã chuyển khoản cho G là 252.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi hai triệu đồng).

Quá trình điều tra, Triệu Tống G thừa nhận do muốn có tiền tiêu xài cá nhân và lợi dụng sự cả tin của bà N và ông N, G đã tự nghĩ và đưa ra các thông tin sai sự thật để chiếm đoạt tiền của bà Kim Thị N và ông Bùi Xuân N như trên. Số tiền mà G chiếm đoạt được của bà N và ông N, G đã tiêu xài cá nhân hết.

Cơ quan điều tra đã xác minh G không có người họ hàng nào làm lãnh đạo to tại tỉnh Hưng Yên có thể lo được việc giảm án, bản thân G cũng không có khả năng, cũng chưa từng làm, cũng không quen biết ai có thể giảm án được cho T hay bất kỳ ai khác.

Vật chứng thu giữ của vụ án

- 01 (một) chiếc điện thoại di động Iphone XS Max màu vàng, đã qua sử dụng, số Imei: 357292092618455 thu của Nguyễn Thu H.

- 01 (một) chiếc điện thoại di động Iphone XS Max màu vàng, đã qua sử dụng, số Imei: 353098101522818 thu của Triệu Tổng G.

- 01 (một) chiếc USB nhãn hiệu Kingston, màu đen, dung lượng 32GB, bên trong có chứa thư mục là các tin nhắn Zalo giữa bà Kim Thị N với Triệu Tổng G do bà N giao nộp.

Tại cơ quan điều tra, Triệu Tổng G đã khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt tài sản của bà Kim Thị N và ông Bùi Xuân N.

Bản cáo trạng số 39/CT-VKS ngày 16 tháng 6 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Hà Nội) truy tố Triệu Tổng G về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Triệu Tổng G đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung nêu trên. G thừa nhận đã đưa ra thông tin giả là có chú ruột làm lãnh đạo to ở tỉnh Hưng Yên, có thể lo được việc giảm án cho con bà N, đưa ra thông tin giả là ông nội G mất để bà N tin là sự thật, bà N đã chuyển khoản tiền của bà N và ông N cho G. G thừa nhận đã lừa được số tiền 252.000.000 đồng của bà N và ông N.

Tại phiên tòa, bà Kim Thị N và ông Bùi Xuân N xác định số tiền 252.000.000 đồng mà Triệu Tổng G chiếm đoạt là tiền của vợ chồng bà N và ông N. Trong số tiền G chiếm đoạt của bà N và ông N, G đã trả 3.000.000 đồng (trong đó 2.000.000 đồng G nhờ Nguyễn Thu H chuyển khoản cho bà N và 1.000.000 đồng G nhờ bà N mua quà cho T tại công trại tạm giam số 1). Nay bà N và ông N đề nghị xét xử Triệu Tổng G theo đúng qui định của pháp luật, yêu cầu G trả số tiền 249.000.000 đồng. Triệu Tổng G đồng ý trả bà N và ông N số tiền 249.000.000 đồng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thu H trình bày không biết G dùng tài khoản và điện thoại của mình lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà N và ông N, chị Hà mong muốn được nhận lại chiếc điện thoại công an đã thu giữ của chị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Hà Nội tại phiên tòa trình bày luận tội giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Triệu Tổng G về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt: bị cáo Triệu Tổng G từ 09 năm tù đến 10 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về dân sự: Buộc bị cáo phải trả bà N số tiền 249.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi chín triệu đồng). Áp dụng Điều 46 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 02 chiếc điện thoại di động Iphone XS Max màu

vàng. Bị cáo thuộc hộ nghèo nên được miễn nộp tiền án phí theo qui định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Triệu Tổng G trình bày: Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Hà Nội) truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự là có căn cứ. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo thuộc hộ nghèo, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nhận thức pháp luật hạn chế. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự, xét xử bị cáo mức hình phạt thấp nhất theo pháp luật, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố Hà Nội, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo Triệu Tổng G đã thành khẩn khai nhận hành vi của mình. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của bà Kim Thị N và ông Bùi Xuân N nên Triệu Tổng G đã đưa ra thông tin giả mình là G, sinh năm 1994, nhà ở Khoái Châu, Hưng Yên, bị bắt về tội Cố ý gây thương tích mà chỉ bị giữ 07 ngày là lo được trắng án; G tự giới thiệu mình có chú ruột làm lãnh đạo to ở tỉnh Hưng Yên, có thể lo được việc giảm án cho con bà N là Bùi Hoàng T từ 39 tháng tù xuống 09 tháng tù và G cũng đưa ra thông tin giả là ông nội của G mất (chết) làm bà Kim Thị N tin là thật nên bà Kim Thị N đã dùng tiền của bà N và ông N nhiều lần chuyển khoản cho Triệu Tổng G với tổng số tiền là 252.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền mà bị cáo chiếm đoạt của bà N và ông N là 252.000.000 đồng.

Bị cáo Triệu Tổng G đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt số tiền 252.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi hai triệu đồng) của vợ chồng ông Bùi Xuân N và bà Kim Thị N, hành vi đó của G đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo qui định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Hà Nội) truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật đã viện dẫn trong bản cáo trạng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần phải xét xử bị cáo mức hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội nhiều lần; đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này của bị cáo là tái phạm. Do vậy, cần áp dụng các điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 174 của Bộ luật hình sự thì ngoài hình phạt chính còn quy định hình phạt bổ sung là phạt tiền, xét bị cáo là lao động tự do, gia đình thuộc hộ nghèo, không có điều kiện về kinh tế để đảm bảo cho việc thi hành án nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung.

[5] Về dân sự: Quá trình điều tra bà Kim Thị N và ông Bùi Xuân N yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 249.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo Triệu Tổng G thừa nhận chiếm đoạt của bà N và ông N số tiền 252.000.000 đồng, đã trả 3.000.000 đồng. Triệu Tổng G đồng ý trả bà N và ông N số tiền đã chiếm đoạt nên buộc bị cáo phải trả bà Kim Thị N và ông Bùi Xuân N số tiền 249.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi chín triệu đồng).

[6] Đối với chị Nguyễn Thu H là người cho Triệu Tổng G chuyển nhờ tiền vào tài khoản, đồng ý cho G sử dụng tài khoản và điện thoại của Hà. Quá trình điều tra xác định chị Nguyễn Thu H không biết Triệu Tổng G dùng tài khoản của Hà để lừa tiền của vợ chồng bà N và ông N, Hà không liên quan đến hành vi G lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên cơ quan điều tra không đề cập, xử lý là có căn cứ.

[7] Đối với chị Kim Thị T, chị Kim Thị Thúy N, chị Nguyễn Thị Anh T, chị Nguyễn Thu T, chị Nguyễn Huyền T và chị Đào Thị H là những người chuyển khoản hộ tiền cho bà Kim Thị N gửi đến cho Triệu Tổng G. Bà N đã trả đủ tiền cho các chị có tên nêu trên. Quá trình điều tra xác định các chị trên không liên quan đến hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của G nên cơ quan điều tra không xử lý là đúng pháp luật.

[8] Đối với 01 (một) chiếc USB nhãn hiệu Kingston, màu đen, dung lượng 32GB, bên trong có chứa thư mục là các tin nhắn Zalo giữa bà Kim Thị N với Triệu Tổng G do bà N giao nộp, đây là các tài liệu chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo Triệu Tổng G nên được lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[9] Xử lý vật chứng:

Đối với chiếc điện thoại di động Iphone XS Max màu vàng, đã qua sử dụng, số Imei: 357292092618455 thu của Nguyễn Thu H, Viện kiểm sát đề nghị tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định Nguyễn Thu H không biết Triệu Tổng G sử dụng điện thoại của Hà vào việc lừa tiền của bà N và ông N. Nguyễn Thu H có nguyện vọng nhận lại chiếc điện thoại trên. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy nên trả chiếc điện thoại trên cho Nguyễn Thu H là phù hợp pháp luật.

Đối với chiếc điện thoại di động Iphone XS Max màu vàng, đã qua sử dụng, số Imei: 353098101522818 thu của Triệu Tổng G, quá trình điều tra xác định liên quan đến hành vi phạm tội của G nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[10] Án phí, quyền kháng cáo: Bị cáo Triệu Tổng G thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Triệu Tổng G có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Triệu Tổng G phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Triệu Tổng G **09 (chín)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/11/2024.

2. Về dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 589 của Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Triệu Tổng G phải bồi thường trả bà Kim Thị N và ông Bùi Xuân N số tiền 249.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Iphone Xs Max màu vàng, có lắp sim, đã qua sử dụng, số Imei: 353098101522818, đặc chủng: màu vàng.

Trả chị Nguyễn Thu H 01 điện thoại di động Iphone Xs Max màu vàng, đã qua sử dụng, số Imei: 357292092618455, đặc chủng: màu vàng.

Tất cả các vật chứng trên đều đã qua sử dụng, không kiểm tra được chất lượng, trong tình trạng không hoạt động.

(Vật chứng hiện lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 - Hà Nội) theo Biên bản giao, nhận vật chứng số 53 ngày 20/6/2025 giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 - Hà Nội) với Công an Thành phố Hà Nội).

4. Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Triệu

Tổng G được miễn án phí nên không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo Triệu Tổng G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại bà Kim Thị N và ông Bùi Xuân N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo về những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo về những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND Khu vực 9 - Hà Nội;
- CQTHAHS có thẩm quyền;
- THADS TP Hà Nội;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Dung

